TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:**18/**2025/KDTM-ST Ngày 31-3-2025 *V/v tranh chấp Hợp đồng kinh tế (mua bán hàng hóa)*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân: Ông Nguyễn Hữu Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 91/2024/TLSTDS ngày 17/12/2024 về *Tranh chấp Hợp đồng kinh tế (mua bán hàng hóa)* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXX-ST ngày 21/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐHPT ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty TNHH B (Công ty B); địa chỉ: tổ dân phố Q, phường M, thành phố T, thành phố Hải Phòng. Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng A, Tòa nhà D, số A đường H, Phường N, Quận T, TP Hà Nội, Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Quyết T - chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ1 (Công ty Đ1); địa chỉ: tầng A, nhà L, ngõ A đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Huy K - chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH B trình bày: Công ty TNHH B và Công ty CP Đ1 có ký Hợp đồng mua bán số 11A/2018/HĐMB/APV-MĐ ngày 10/9/2018 về việc cung cấp cọc bê tông cho dự án tại KĐT cảng N, phường T, TP H, tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể như sau: Bên A (Công ty CP Đ1) đồng ý mua và bên B (Công ty TNHH B) đồng ý cung cấp vật liệu cọc bê tông D300A, D350A. Tổng giá trị hợp đồng (Bao gồm 10% thuế GTGT): 846.155.200 VNĐ (Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng). Tiến độ thanh toán: Sau khi Bên A nhận được toàn bộ số cọc và hồ sơ thanh toán từ Bên B, Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị khối lượng hàng hóa trong vòng 10 ngày làm việc.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết, Công ty B đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ cam kết, tiến hành cung cấp đầy đủ hàng hóa, đảm bảo theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn chất lượng theo quy định. Ngày 30/01/2024 Công ty B đã gửi hồ sơ đối chiếu công nợ cho Công ty Đ1, trong đó thể hiện giá trị hàng hóa như sau: Giá trị hàng hóa thực tế đã bàn giao là: 846.155.200 VNĐ (Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng). Giá trị đã thanh toán là: 150.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng).Giá trị Bên A còn phải thanh toán là: 696.155.200 VNĐ (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng).

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 Công ty TNHH B và Công ty CP Đ1 có ký biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ theo đó Công ty CP Đ1 xác nhận còn nợ Công ty TNHH B số tiền 696.155.200 đ (Sáu trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng). Hai bên thống nhất phương án trả nợ theo lộ trình: Tháng 2/2024: Công ty Đ1 sẽ thanh toán: 100.000.000đồng; Tháng 4/2024: Công ty Đ1 sẽ thanh toán: 100.000.000 đồng; Tháng 5/2024: Công ty Đ1 sẽ thanh toán: 100.000.000 đồng; Tháng 6/2024: Công ty Đ1 sẽ thanh toán: 100.000.000 đồng; Tháng 7/2024: Công ty Đ1 sẽ thanh toán: 100.000.000 đồng; Tháng 8/2024: Công ty Đ1 sẽ thanh toán: 100.000.000 đồng; Tháng 9/2024: Công ty Đ1 sẽ thanh toán: 96.155.200 đồng. Công ty Đ1 đưa ra lộ trình thanh toán nhưng vẫn không thực hiện thanh toán theo cam kết. Công ty B đã xuất hóa đơn VAT số 0000042 đối với toàn bộ giá trị hàng hóa từ ngày 18/07/2019 kèm theo hồ sơ đề nghị thanh toán đầy đủ cho Công ty Đ1. Kể từ khi đến hạn thanh toán các hợp đồng trên, mặc dù Công ty B đã

nhiều lần làm việc trực tiếp hoặc đôn đốc bằng văn bản nhưng Công ty Đ1 vẫn không hợp tác trả nợ và không có lộ trình thanh toán khả thi.

Ngày 07/02/2024 Công ty Đ1 đã thanh toán thêm cho công ty B 100.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2025 Đại diện Công ty B và Đại diện Công ty Đ1 đã gặp và trao đổi trực tiếp về phương án thanh toán công nợ. Tại buổi làm việc, Đại diện Công ty Đ1 xác nhận công nợ của Hợp đồng mua bán số 11A/2018/HĐMB/APV-MĐ ngày 10/9/2018 Công ty Đ1 phải trả cho Công ty B số tiền là 596.155.200 VNĐ.

Công ty Đ1 cam kết thanh toán thành 03 đợt: Đợt 1 vào tháng 01/2025, Đợt 2 vào tháng 6/2025, Đ 3 vào tháng 12/2025 và đề nghị Công ty B rút đơn khởi kiện. Công ty B không đồng ý với lộ trình thanh toán do Công ty Đ1 đưa ra. Việc Công ty CP Đ1 không thanh toán theo cam kết đã gây thiệt hại về kinh tế cho Công ty B, xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B. Căn cứ hợp đồng đã ký, công việc đã thực hiện và quy định pháp luật hiện hành, đề nghị TAND Quận Thanh Xuân xem xét, giải quyết và buộc: Công ty CP Đ1 phải thanh toán cho Công ty B số tiền chưa thanh toán của Hợp đồng cụ thể là: 596.155.200đ (*Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng).*

***** Tại Biên bản hoà giải ngày 13/3/2025 bị đơn trình bày: Công ty đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Tuy nhiên, do chưa đưa ra được phương án trả nợ nên Công ty không đến Tòa theo các giấy triệu tập. Công ty có nguyện vọng hòa giải theo lộ trình thanh toán như sau: Chậm nhất đến ngày 30/4/2025 Công ty Cổ phần Đ1 sẽ có trách nhiệm thanh toán Công ty TNHH B số tiền là: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng).* Chậm nhất đến ngày 30/6/2025 Công ty Cổ phần Đ1 sẽ có trách nhiệm thanh toán Công ty TNHH B số tiền là: 296.155.200 đồng (*hai trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng*). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được các thông tin về bị đơn như sau:

Theo công văn số 92 ngày 10/01/2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh sở kế hoạch đầu tư cung cấp: Công ty CP Đ1 đến thời điểm hiện tại doanh nghiệp chưa đăng ký thủ tục giải thể, phá sản sát nhập, chia tách doanh nghiệp. Tình trạng pháp lý: Đang hoạt động tại tầng 01, nhà L, ngõ A đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa:

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 596.155.200đ (*Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng).*

- Bị đơn vắng mặt không có lý do nên chủ Toạ thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị đơn trình bày tại Biên bản hoà giải ngày 13/3/2025.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử ; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều đã được tống đạt hợp lệ, bị đơn đã nhận đầy đủ, đây là lần vắng mặt thứ 2 nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 72 ; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B về việc buộc Công ty Đ1 thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán số 11A/2018/HĐMB/APV-MĐ ngày 10/9/2018 là 596.155.200đ (*Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng).*

Công ty Đ1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án thu thập được xác định: Tranh chấp giữa pháp nhân với pháp nhân là tranh chấp kinh doanh thương mại về Hợp đồng kinh tế (mua bán hàng hóa). Công ty Cổ phần Đ1 có địa chỉ trụ sở tại: tầng A, nhà L, ngõ A đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân

thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Toà án đã tống đạt hợp lệ, giấy triệu tập đến phiên toà lần thứ 2 cho bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 nhưng tại các phiên tòa Công ty Cổ phần Đ1 vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án chỉ xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng mua bán hàng hoá (Bê tông). Giữa các bên tham gia Hợp đồng không có tranh chấp về nội dung, điều khoản của Hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua hàng hoá. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 596.155.200đ (*Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng*). Xét Hợp đồng mua bán số 11A/2018/HĐMB/APV-MĐ ngày 10/9/2018 về việc cung cấp cọc bê tông cho dự án tại KĐT cảng N, phường T, TP H, tỉnh Quảng Ninh có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo Điều 117 Bộ luật dân sự, có đủ căn cứ khẳng định Hợp đồng mua bán hàng hóa trên là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Quá trình tố tụng, Bị đơn đã xác nhận khoản công nợ giữa Công ty B và Công ty Đ1 được thể hiện tại biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ 30/01/2024 và biên bản phiên họp ngày 13/3/2025.

Việc hoà giải sau khi có quyết định hoãn phiên toà là hợp pháp vì thủ tục hoà giải được thực hiện vào bất kỳ giai đoạn nào trong tố tụng. Hơn nữa, Công ty B và Công ty Đ1 có đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp đại diện Công ty Đ1 xác nhận Công ty đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Tuy nhiên, do chưa đưa ra được phương án trả nợ nên Công ty không đến Tòa theo các giấy triệu tập. Công ty có nguyện vọng hòa giải theo lộ trình thanh toán như sau: Chậm nhất đến ngày 30/4/2025 Công ty Cổ phần Đ1 sẽ có trách nhiệm thanh toán Công ty TNHH B số tiền là: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng).* Chậm nhất đến ngày 30/6/2025 Công ty Cổ phần Đ1 sẽ có trách nhiệm thanh toán Công ty TNHH B số tiền là: 296.155.200 đồng (*hai trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng*).

Tuy nhiên, phương án trả nợ của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận nên hoà giải không thành. Tuy nhiên, tại phiên họp này, bị đơn thừa nhận nghĩa vụ nợ nên xác định đây là tình tiết, chứng cứ không phải chứng minh theo điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo biên bản thỏa thuận thanh toán công nợ 30/01/2024 và biên bản phiên họp ngày 13/3/2025 giá trị Công ty Đ1 còn nợ là *596.155.200đ* (*Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng)*. Vì vậy, xác định Công ty Đ1 chưa thanh toán số tiền còn nợ 596.155.200 đồng cho nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ được chấp nhận. Buộc Công ty Đ1 phải thanh toán cho Công ty B số tiền còn nợ là *596.155.200đ* (*Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng*

Do Công ty B không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Công ty Đ1 phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Công ty B là 27.846.208 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điều 275 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 55; Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ khoản 1 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH B đối với Công ty Cổ phần Đ1.

2. Buộc Công ty Cổ phần Đ1 có nghĩa vụ thanh toán trả Công ty TNHH B số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán số 11A/2018/HĐMB/APV-MĐ ngày 10/9/2018 là 596.155.200đ (*Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; điều 7 và điều 9 Luật thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH B không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Công ty TNHH B số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân số tiền 10.000.000 (*Mười triệu)* đồng theo biên lai số 0036817 ngày 17/12/2024.

- Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ1 phải nộp 27,846,208 (*Hai mươi bảy triệu, tám trăm bố mươi sáu nghìn, hai trăm linh tám)* đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố HN;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND Q.Thanh Xuân;
- Chi cục Thi hành án Thanh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Phương